

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05 /2020/NQ-HĐND

Ninh Thuận, ngày 17 tháng 7 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN KHOÁ X KỲ HỌP THỨ 14

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Thông tư số 39/2018/TT-BYT ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BYT ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2018/TT-BYT ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp;

Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BYT ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định mức tối đa khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp;

Căn cứ Thông tư số 14/2019/TT-BYT ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BYT ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định mức tối đa khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp;

Xét Tờ trình số 93/TTr-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; người bệnh chưa tham gia bảo hiểm y tế; người bệnh có thẻ bảo hiểm y tế nhưng đi khám bệnh, chữa bệnh hoặc sử dụng các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế; các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận như sau:

1. Giá dịch vụ khám bệnh, kiểm tra sức khỏe: Quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết.

2. Giá dịch vụ ngày giường điều trị: Quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết.

3. Giá dịch vụ kỹ thuật và xét nghiệm áp dụng cho các hạng bệnh viện: Quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết.

4. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 37/2018/TT-BYT ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng

Bộ Y tế quy định mức tối đa khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp; Thông tư số 14/2019/TT-BYT ngày 05 tháng 7 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2018/TT-BYT ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định mức tối đa khung giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận khoá X kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 7 năm 2020; thay thế Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế (Bộ Y tế);
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa X;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND và UBND các huyện, TP;
- Trung tâm CNTT và truyền thông;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang TTĐT HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Thanh



Phụ lục I

BẢNG GIÁ DỊCH VỤ KHÁM BỆNH, KIỂM TRA SỨC KHỎE
(Kèm theo Nghị quyết số: 05/2020/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Đơn vị tính: đồng

STT	STT TT14	STT TT13	Các loại dịch vụ	Mức giá
1	2	2	Bệnh viện hạng I	38.700
2	3	3	Bệnh viện hạng II	34.500
3	4	4	Bệnh viện hạng III	30.500
4	5	5	Bệnh viện hạng IV	27.500
5	6	6	Trạm y tế xã	27.500
6	7	7	Hội chẩn để xác định ca bệnh khó (chuyên gia/ca; Chỉ áp dụng đối với trường hợp mời chuyên gia đơn vị khác đến hội chẩn tại cơ sở khám, chữa bệnh).	200.000
7	8		Khám cấp giấy chứng thương, giám định y khoa (không kể xét nghiệm, X-quang)	160.000
8	9		Khám sức khỏe toàn diện lao động, lái xe, khám sức khỏe định kỳ (không kể xét nghiệm, X-quang)	160.000
9	10		Khám sức khỏe toàn diện cho người đi xuất khẩu lao động (không kể xét nghiệm, X-quang)	450.000

Handwritten signature

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Phụ lục II

BẢNG GIÁ CÁC DỊCH VỤ NGÀY GIƯỜNG BỆNH ĐIỀU TRỊ

(Kèm theo Nghị quyết số: 05 /2020/NQ-HĐND ngày 17/7 /2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	STT TT14	STT TT13	Các loại dịch vụ	Mức giá
1	1	1	Ngày điều trị Hồi sức tích cực (ICU)/ghép tạng hoặc ghép tủy hoặc ghép tế bào gốc	
			Bệnh viện hạng I	705.000
			Bệnh viện hạng II	602.000
2	2	2	Ngày giường bệnh Hồi sức cấp cứu	
			Bệnh viện hạng I	427.000
			Bệnh viện hạng II	325.000
			Bệnh viện hạng III	282.000
			Bệnh viện hạng IV	251.500

Số TT	STT TT14	STT TT13	Các loại dịch vụ	Mức giá
3	3	3	Ngày giường bệnh Nội khoa:	
3.1	3.1	3.1	Loại 1: Các khoa: Truyền nhiễm, Hô hấp, Huyết học, Ung thư, Tim mạch, Tâm thần, Thần kinh, Lão, Nhi, Tiêu hoá, Thận học; Nội tiết; Dị ứng (đối với bệnh nhân dị ứng thuốc nặng: Stevens Jonhson hoặc Lyell)	
			Bệnh viện hạng I	226.500
			Bệnh viện hạng II	187.100
			Bệnh viện hạng III	171.100
			Bệnh viện hạng IV	152.700
3.2	3.2	3.2	Loại 2: Các Khoa: Cơ-Xương-Khớp, Da liễu, Dị ứng, Tai-Mũi-Họng, Mắt, Răng Hàm Mặt, Ngoại, Phụ -Sản không mổ; YHDT hoặc PHCN cho nhóm người bệnh tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não.	
			Bệnh viện hạng I	203.600
			Bệnh viện hạng II	160.000
			Bệnh viện hạng III	149.100
			Bệnh viện hạng IV	132.700
3.3	3.3	3.3	Loại 3: Các khoa: YHDT, Phục hồi chức năng	
			Bệnh viện hạng I	171.400

Số TT	STT TT14	STT TT13	Các loại dịch vụ	Mức giá
			Bệnh viện hạng II	130.600
			Bệnh viện hạng III	121.100
			Bệnh viện hạng IV	112.000
4	4	4	Ngày giường bệnh ngoại khoa, bông:	
4.1	4.1	4.1	Loại 1: Sau các phẫu thuật loại đặc biệt; Bông độ 3-4 trên 70% diện tích cơ thể	
			Bệnh viện hạng I	303.800
			Bệnh viện hạng II	256.300
4.2	4.2	4.2	Loại 2: Sau các phẫu thuật loại 1; Bông độ 3-4 từ 25 -70% diện tích cơ thể	
			Bệnh viện hạng I	276.500
			Bệnh viện hạng II	223.800
			Bệnh viện hạng III	198.300
			Bệnh viện hạng IV	178.300
4.3	4.3	4.3	Loại 3: Sau các phẫu thuật loại 2; Bông độ 2 trên 30% diện tích cơ thể, Bông độ 3-4 dưới 25% diện tích cơ thể	
			Bệnh viện hạng I	241.700

Số TT	STT TT14	STT TT13	Các loại dịch vụ	Mức giá
			Bệnh viện hạng II	199.200
			Bệnh viện hạng III	175.600
			Bệnh viện hạng IV	155.300
4.4	4.4	4.4	Loại 4: Sau các phẫu thuật loại 3; Bỏng độ 1, độ 2 dưới 30% diện tích cơ thể	
			Bệnh viện hạng I	216.500
			Bệnh viện hạng II	170.800
			Bệnh viện hạng III	148.600
			Bệnh viện hạng IV	134.700
5	5	5	Ngày giường trạm y tế xã	56.000
6	6	6	Ngày giường bệnh ban ngày	Được tính bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa và loại phòng tương ứng.

Ghi chú: Giá ngày giường điều trị nội trú chưa bao gồm chi phí máy thở và khí y tế.